

Phụ lục I
GIAO CHỈ TIÊU CỤ THỂ VỀ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH GẮN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM NĂM 2025

Số TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thực hiện trong năm 2025		Căn cứ thực hiện
				Đơn vị tính	Giao chỉ tiêu	
I	CHỈ TIÊU CỤ THỂ VỀ THỰC HIỆN TTHC TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ					
1	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có cung cấp dịch vụ công trực tuyến; Viễn thông Kon Tum	%	100	Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ (Phụ lục III, mục V, số thứ tự thứ 58); Công văn số 476/VPCP-KSTT ngày 16/01/2025 của Văn phòng Chính phủ (khoản 1 mục II, số thứ tự 1 tại Phụ lục kèm theo) và theo tình hình thực tế tại tỉnh đã triển khai đạt 100%.
2	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	%	60	Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ (Phụ lục III, mục V, số thứ tự thứ 59) và Công văn số 476/VPCP-KSTT ngày 16/01/2025 của Văn phòng Chính phủ (khoản 1 mục II, số thứ tự thứ 2 tại Phụ lục kèm theo)
3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết TTHC.	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có cung cấp dịch vụ công trực tuyến; UBND	Văn phòng UBND tỉnh	%	60	Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ (Phụ lục III, mục V, số thứ tự thứ 60) và Công văn số 476/VPCP-KSTT ngày 16/01/2025 của

		cấp huyện, UBND cấp xã				Văn phòng Chính phủ (khoản 1 mục II, số thứ tự thứ 3 tại Phụ lục kèm theo)
4	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	%	90	Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ (Phụ lục III, mục V, số thứ tự thứ 61); Công văn số 476/VPCP-KSTT ngày 16/01/2025 của Văn phòng Chính phủ (khoản 1 mục II, số thứ tự thứ 4 tại Phụ lục kèm theo) và theo tình hình thực tế tại tỉnh
5	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Văn phòng UBND tỉnh; Viễn thông Kon Tum	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	%	100	Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ (Phụ lục III, mục V, số thứ tự thứ 62) và Công văn số 476/VPCP-KSTT ngày 16/01/2025 của Văn phòng Chính phủ (khoản 1 mục II, số thứ tự thứ 5 tại Phụ lục kèm theo)
6	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh được kết nối với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành để đồng bộ kết quả giải quyết TTHC giữa 02 hệ thống	Văn phòng UBND tỉnh	Đơn vị cho thuê dịch vụ CNTT			Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ (Phụ lục III, mục V, số thứ tự thứ 68) và Công văn số 476/VPCP-KSTT ngày 16/01/2025 của Văn phòng Chính phủ (khoản 1 mục II, số thứ tự thứ 11 tại Phụ lục kèm theo)
II	CHỈ TIÊU VỀ SỐ HÓA KẾT QUẢ TTHC CÒN HIỆU LỰC ĐỂ ĐẢM BẢO VIỆC KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU TRONG GIẢI QUYẾT TTHC TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ					
1	Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp Tỉnh để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	%	100	Thực hiện theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ

	liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử					
2	Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp Huyện để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	%	100	Thực hiện theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ
3	Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp Xã để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	%	100	Thực hiện theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ
III	CHỈ TIÊU VỀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC, DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN					
1	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử.	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	%	100	Thực hiện theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ (Phụ lục II, số thứ tự 1) và Công văn số 476/VPCP-KSTT ngày 16/01/2025 của Văn phòng Chính phủ (khoản 2 mục II, số thứ tự 1 tại Phụ lục kèm theo)
2	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND	Văn phòng UBND tỉnh	%	Tối thiểu 50	Thực hiện theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ (Phụ lục II, số thứ tự thứ 2) và Công văn số 476/VPCP-KSTT ngày 16/01/2025 của

		cấp huyện, UBND cấp xã				Văn phòng Chính phủ (khoản 2 mục II, số thứ tự thứ 2 tại Phụ lục kèm theo)
3	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn.	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	%	100	Thực hiện theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ (Phụ lục II, số thứ tự thứ 3) và Công văn số 476/VPCP-KSTT ngày 16/01/2025 của Văn phòng Chính phủ (khoản 2 mục II, số thứ tự thứ 3 tại Phụ lục kèm theo)
4	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp.	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	%	95	Thực hiện theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ (Phụ lục II, số thứ tự thứ 4) và Công văn số 476/VPCP-KSTT ngày 16/01/2025 của Văn phòng Chính phủ (khoản 2 mục II, số thứ tự thứ 4 tại Phụ lục kèm theo); khoản 3 mục IV Kế hoạch số 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024 của UBND tỉnh.
IV CHỈ TIÊU VỀ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ TTHC						
1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn. <i>Theo công thức (b/a). Trong đó:</i> <i>a là tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm</i> <i>b là số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn</i> <i>(Lưu ý: tỷ lệ b/a phải đạt tối thiểu 95%)</i>	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	%	99	Mục 3.4.1 (Bảng 2 kèm theo Quyết định số 892/QĐ-BNV ngày 05/12/2024 của Bộ Nội vụ)

2	<p>Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn.</p> <p>Theo công thức (b/a). Trong đó: <i>a</i> là tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm <i>b</i> là số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn</p> <p>(Lưu ý: tỷ lệ b/a phải đạt tối thiểu 95%)</p>	Các phòng chuyên môn cấp huyện	Văn phòng HĐND-UBND huyện	%	Tối thiểu 98	Mục 3.4.2 (Bảng 2 kèm theo Quyết định số 892/QĐ-BNV ngày 05/12/2024 của Bộ Nội vụ)
3	<p>Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn.</p> <p>Theo công thức (b/a). Trong đó: <i>a</i> là tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm <i>b</i> là số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn</p> <p>(Lưu ý: tỷ lệ b/a phải đạt tối thiểu 95%)</p>	UBND cấp xã	Văn phòng HĐND-UBND huyện	%	99	Mục 3.4.3 (Bảng 2 kèm theo Quyết định số 892/QĐ-BNV ngày 05/12/2024 của Bộ Nội vụ)
V	CHỈ TIÊU VỀ XỬ LÝ VĂN BẢN, HỒ SƠ CÔNG VIỆC (TRỪ VĂN BẢN MẬT) TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ (KHÔNG XỬ LÝ SONG SONG CẢ VĂN BẢN GIẤY VỚI VĂN BẢN ĐIỆN TỬ)					
1	Đối với các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	%	100	Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ (Phụ lục III, mục V, số thứ tự thứ 67); Công văn số 476/VPCP-KSTT ngày 16/01/2025 của Văn phòng Chính phủ (khoản 1 mục II, số

						thứ tự thứ 9 tại Phụ lục kèm theo) và theo tình hình thực tế tại tỉnh
2	Đối với các phòng, ban và tương đương thuộc UBND cấp huyện.	UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	%	100	Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ (Phụ lục III, mục V, số thứ tự thứ 67); Công văn số 476/VPCP-KSTT ngày 16/01/2025 của Văn phòng Chính phủ (khoản 1 mục II, số thứ tự thứ 9 tại Phụ lục kèm theo) và theo tình hình thực tế tại tỉnh.
3	Đối với UBND cấp xã.	UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	%	100	Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ (Phụ lục III, mục V, số thứ tự thứ 67); Công văn số 476/VPCP-KSTT ngày 16/01/2025 của Văn phòng Chính phủ (khoản 1 mục II, số thứ tự thứ 9 tại Phụ lục kèm theo) và theo tình hình thực tế tại tỉnh.